

10. Bộ Xây dựng
11. Bộ Giao thông vận tải
12. Tổng cục Bưu điện
13. Tổng cục Hàng không dân dụng
14. Bộ Nội thương
15. Bộ Kinh tế đối ngoại
16. Bộ Vật tư
17. Bộ Y tế
18. Bộ Giáo dục
19. Bộ Đại học, Trung học chuyên nghiệp và dạy nghề
20. Bộ Văn hóa
21. Bộ Thông tin
22. Tổng cục Mỏ và Địa chất
23. Tổng cục Dầu khí
24. Bộ Quốc phòng
25. Bộ Nội vụ
26. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
27. Bộ Lao động — Thương binh và xã hội
28. Cục Dự trữ Quốc gia
29. Tổng cục Hải quan
30. Tổng cục Du lịch
31. Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước.
32. Ban Cơ yếu Trung ương
33. Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

b) Các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương.

(40 tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương).

NGHỊ ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 200-HĐBT ngày 28-12-1988 ban hành Điều lệ về giải pháp hữu ích.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4-7-1981;

Căn cứ Nghị định số 35-CP ngày 9-2-1981 quy định nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Bộ trưởng và chức năng của Bộ trong một số lĩnh vực quản lý Nhà nước;

Đề tăng cường công tác tổ chức và quản lý hoạt động sở hữu công nghiệp;

Theo đề nghị của Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Nay ban hành kèm theo Nghị định này bản Điều lệ về giải pháp hữu ích.

Điều 2. — Bản Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với Điều lệ này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. — Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng

K.T. Chủ tịch

Phó Chủ tịch

VÔ VĂN KIẾT

ĐIỀU LỆ về giải pháp hữu ích
(ban hành kèm theo Nghị định số 200-HĐBT ngày 28-12-1988 của Hội đồng Bộ trưởng).

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. — Phạm vi hiệu lực:

1. Điều lệ này áp dụng cho mọi cá nhân và pháp nhân Việt Nam nhằm khuyến

khích việc tạo ra, áp dụng nhanh và rộng rãi các giải pháp hữu ích vào sản xuất, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội.

2. Các cá nhân và pháp nhân nước ngoài cũng được hưởng các quyền do Điều lệ này quy định trên nguyên tắc có đi có lại, theo đúng pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia.

Điều 2. — Tiêu chuẩn bảo hộ giải pháp hữu ích:

1. Giải pháp hữu ích được bảo hộ theo Điều lệ này là giải pháp kỹ thuật mới đối với Việt Nam, có khả năng áp dụng vào sản xuất ở Việt Nam trong điều kiện kinh tế—kỹ thuật hiện tại và mang lại lợi ích kinh tế, xã hội với hiệu quả mới hoặc cao hơn hiệu quả thu được trên cơ sở tình trạng kỹ thuật tại thời điểm nộp đơn.

2. Một giải pháp được công nhận là mới nếu trước ngày ưu tiên của đơn xin bảo hộ giải pháp hữu ích (theo quy định ở điều 6) giải pháp đó chưa được sử dụng công khai hoặc công bố công khai ở Việt Nam dưới bất kỳ hình thức nào (các loại ấn phẩm, băng ghi âm, ghi hình, trưng bày triển lãm...) đến mức căn cứ vào đó có thể thực hiện được và không trùng với một trong các giải pháp của đơn xin bảo hộ giải pháp hữu ích hoặc sáng chế có ngày ưu tiên sớm hơn nộp tại Cục Sáng chế — Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước.

Giải pháp không bị coi là mất tính mới nếu đã bị người khác công bố mà không được phép của chủ giải pháp trong vòng 6 tháng trước ngày nộp đơn xin bảo hộ.

3. Đối tượng của giải pháp hữu ích có thể là cơ cấu, chất hoặc phương pháp.

Điều 3. — Những giải pháp kỹ thuật không được bảo hộ.

Không công nhận là giải pháp hữu ích các giải pháp kỹ thuật sau đây:

a) Được tạo ra một cách dễ dàng đối với chuyên gia trong lĩnh vực kỹ thuật đó.

b) Trái với pháp luật và đạo đức xã hội chủ nghĩa.

Điều 4. — Các đối tượng không được bảo hộ.

Các đối tượng dưới đây không được bảo hộ theo Điều lệ này:

a) Các phương pháp và hệ thống quản lý kinh tế (kế hoạch, tài chính, cung ứng, thống kê...).

b) Các ý đồ, nguyên lý và phát minh khoa học, các chương trình máy tính, các mô hình toán học, đồ thị tra cứu và các dạng tương tự.

c) Các hệ thống ngôn ngữ (hệ thống ngữ pháp, các hệ thống ngôn ngữ nhân tạo, mã số, chữ viết, cách phát âm...), hệ thống thông tin, phân loại, hệ thống sắp xếp tư liệu.

d) Các phương pháp và hệ thống giáo dục, đào tạo, nuôi dưỡng.

e) Các phương pháp luyện tập cho vật nuôi.

g) Các đồ án và sơ đồ quy hoạch các công trình xây dựng, các đề án quy hoạch và phân vùng lãnh thổ (khu dân cư, vùng đất canh tác, công viên...).

h) Các ký hiệu quy ước (các ký hiệu giao thông các tuyến đường...), thời gian biểu (giờ tàu xe, phân phối thời gian lao động...), các quy tắc (quy tắc chơi, luật giao thông...) và các luật lệ.

i) Các giải pháp chỉ đề cập đến hình dạng bên ngoài của sản phẩm mà không mang nội dung kỹ thuật.

k) Các chủng vi sinh, các giống cây trồng và giống vật nuôi.

l) Các chất thu được bằng phương pháp hóa học, các chất thu được bằng phương pháp bán phá hạt nhân hoặc biến đổi hóa học nhờ phương pháp vi sinh (nhưng các phương pháp sản xuất chất là đối tượng được bảo hộ).

m) Các phương pháp phòng bệnh, chẩn đoán bệnh, chữa bệnh cho người.

Điều 5. — Chuyển đổi đơn xin bảo hộ sáng chế thành đơn xin bảo hộ giải pháp hữu ích.

Những đơn xin bảo hộ sáng chế nộp tại Cục Sáng chế — Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước có thể được chuyển đổi thành đơn xin bảo hộ giải pháp hữu ích.

Điều 6. — Quyền ưu tiên.

Quyền ưu tiên của đơn xin bảo hộ giải pháp hữu ích (sau đây gọi tắt là quyền ưu tiên) được xác định theo ngày ưu tiên của đơn. Ngày ưu tiên là :

a) Ngày nộp đơn tại Cục Sáng chế — Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước ; hoặc

b) Ngày nộp đơn đầu tiên ở bất cứ một nước thành viên nào của Công ước Pa-ri về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, nếu đơn được nộp cho Cục Sáng chế — Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước trong vòng 12 tháng kể từ ngày nộp đơn đầu tiên ; hoặc

c) Ngày trưng bày giải pháp tại một cuộc triển lãm quốc tế chính thức tổ chức trên lãnh thổ của bất kỳ nước thành viên nào của Công ước Pa-ri về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, nếu đơn được nộp cho Cục Sáng chế — Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước trong thời hạn 6 tháng tính từ ngày giải pháp đó được trưng bày tại triển lãm ; hoặc

d) Ngày ưu tiên của đơn xin bảo hộ sáng chế, nếu là đơn chuyển đổi từ đơn xin bảo hộ sáng chế trên cơ sở điều 5.

Điều 7. — Quyền nộp đơn xin bảo hộ giải pháp hữu ích.

1. Quyền nộp đơn xin bảo hộ giải pháp hữu ích thuộc về cá nhân hay tập thể tạo ra giải pháp hữu ích bằng lao động sáng tạo của mình (dưới đây gọi là tác giả) hoặc người thừa kế hợp pháp của tác giả.

2. Đối với giải pháp hữu ích được tạo ra trong phạm vi trách nhiệm của tác

giả khi thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị hoặc chủ yếu nhờ sự giúp đỡ về phương tiện vật chất, nhân lực của cơ quan, đơn vị chủ quản (sau đây gọi là giải pháp hữu ích công vụ), quyền nộp đơn thuộc về cơ quan, đơn vị đó.

Trường hợp tác giả đã thông báo khả năng bảo hộ giải pháp hữu ích cho cơ quan, đơn vị, sau thời hạn 2 tháng kể từ ngày thông báo cơ quan, đơn vị không nộp đơn xin bảo hộ thì tác giả có quyền nộp đơn xin bảo hộ giải pháp đó.

3. Đối với giải pháp hữu ích được tạo ra khi thực hiện hợp đồng nghiên cứu triển khai khoa học kỹ thuật thì quyền nộp đơn thuộc bên tạo ra giải pháp hữu ích, nếu không có sự thỏa thuận nào khác ghi trong hợp đồng giữa các bên.

4. Đối với giải pháp hữu ích được tạo ra ở các đơn vị kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh thì quyền nộp đơn thuộc về tác giả nếu trong hợp đồng không có sự thỏa thuận khác.

Điều 8. — Bảo hộ giải pháp hữu ích ở nước ngoài.

Mọi cá nhân, pháp nhân trước khi xin bảo hộ giải pháp hữu ích ở nước ngoài phải nộp đơn xin bảo hộ ở Việt Nam và được phép của Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước.

Điều 9. — Trách nhiệm của cơ quan cấp văn bằng bảo hộ.

1. Cục Sáng chế — Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước là cơ quan chịu trách nhiệm nhận đơn, xét nghiệm, cấp văn bằng bảo hộ giải pháp hữu ích và theo dõi việc bảo hộ trong thời hạn hiệu lực của bằng phù hợp với quy định của Điều lệ này.

2. Xét nghiệm viên, cộng tác viên xét nghiệm giải pháp hữu ích và mọi cá nhân khác trong Cục Sáng chế có liên quan đến đơn xin bảo hộ giải pháp hữu ích có trách nhiệm giữ bí mật nội dung giải pháp hữu ích cho đến ngày giải pháp hữu ích được công bố trong thông báo do

Cục Sáng chế — Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước xuất bản. Những nội dung không công bố trong thông báo và trong bản mô tả giải pháp hữu ích phải được giữ bí mật tuyệt đối.

Mọi vi phạm bảo mật đều bị cơ quan quản lý trực tiếp xử lý hành chính. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng bị truy tố trước pháp luật.

Điều 10. — Công tác quản lý giải pháp hữu ích.

Công tác quản lý giải pháp hữu ích tuân theo những quy định về tổ chức và chỉ đạo hoạt động sáng kiến — sáng chế; chế độ khuyến khích những người hỗ trợ tác giả và những người tổ chức áp dụng lần đầu giải pháp hữu ích áp dụng những quy định tương ứng của Điều lệ về sáng kiến cải tiến kỹ thuật — hợp lý hóa sản xuất và sáng chế.

Chương II

BẢO HỘ CÁC QUYỀN ĐỐI VỚI GIẢI PHÁP HỮU ÍCH

A. CÁC QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI GIẢI PHÁP HỮU ÍCH

Điều 11. — Xác lập quyền:

1. Sự bảo hộ pháp lý giải pháp hữu ích bắt đầu từ khi Nhà nước cấp bằng độc quyền giải pháp hữu ích.

2. Bằng độc quyền giải pháp hữu ích xác lập độc quyền sử dụng giải pháp hữu ích cho người được cấp bằng (sau đây gọi là chủ bằng), và các quyền của tác giả.

3. Bằng độc quyền giải pháp hữu ích có hiệu lực 6 năm kể từ ngày ưu tiên của đơn.

4. Khối lượng bảo hộ giải pháp hữu ích được xác định ở nội dung của yêu cầu bảo hộ.

Điều 12. — Độc quyền sử dụng giải pháp hữu ích.

1. Độc quyền sử dụng giải pháp hữu ích là độc quyền tiến hành các hoạt động liên quan đến giải pháp hữu ích nhằm mục đích sản xuất kinh doanh.

2. Chủ bằng có thể chuyển giao quyền sử dụng hoặc quyền sở hữu giải pháp hữu ích cho cá nhân hoặc cơ quan, đơn vị khác.

Mọi hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng (hợp đồng lixăng) hoặc quyền sở hữu giải pháp hữu ích đang được bảo hộ phải được đăng ký tại Cục Sáng chế — Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước và được công bố trong thông báo do Cục Sáng chế — Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước xuất bản.

Điều 13. — Quyền của tác giả:

1. Tên tác giả giải pháp hữu ích được xác nhận ở văn bằng và được ghi ở các tài liệu liên quan đến giải pháp hữu ích đó.

2. Tác giả của giải pháp hữu ích công vụ được chủ bằng trả:

— Một khoản tiền thù lao bằng 8% tiền làm lợi do việc áp dụng giải pháp hữu ích ở chính cơ quan, đơn vị đó mang lại, tính trong vòng 2 năm đầu áp dụng, và thời hạn trả tiền thù lao tuân theo quy định của Nhà nước về thời hạn trả thưởng cho tác giả sáng chế.

— Một khoản tiền thù lao bằng 5% số tiền mỗi lần chủ bằng thu được do chuyển giao quyền sử dụng giải pháp hữu ích trong thời gian hiệu lực của bằng.

3. Tác giả của giải pháp hữu ích có ý nghĩa kinh tế — kỹ thuật đặc biệt lớn có thể được Nhà nước trao tặng danh hiệu vinh dự và giải thưởng quốc gia về khoa học kỹ thuật.

Điều 14. — Nghĩa vụ sản xuất.

Chủ bằng và người được chuyển giao quyền sử dụng giải pháp hữu ích có nghĩa vụ áp dụng giải pháp vào sản xuất ở Việt Nam.

Điều 15. — Lixăng không tự nguyện:

1. Khi chủ bằng không tự nguyện chuyển giao quyền sử dụng mà không có

lý do xác đáng, Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước có quyền cấp giấy phép sử dụng giải pháp hữu ích (lixăng không tự nguyện):

a) Cho cá nhân hoặc cơ quan, đơn vị nộp đơn yêu cầu, nếu sau 3 năm kể từ ngày được cấp bằng, giải pháp hữu ích không được áp dụng vào sản xuất trên lãnh thổ Việt Nam hoặc được áp dụng nhưng không đáp ứng nhu cầu xã hội.

b) Cho cơ quan, đơn vị theo đề nghị của thủ trưởng cấp Bộ, Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phù hợp với kế hoạch áp dụng kết quả đề tài nghiên cứu của Nhà nước, của Bộ hoặc địa phương đó, đối với các giải pháp hữu ích được tạo ra trong quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học kỹ thuật do Nhà nước cấp kinh phí.

c) Cho cơ quan, đơn vị theo đề nghị của Bộ trưởng liên quan đối với các giải pháp hữu ích mang lại những lợi ích đặc biệt trong quốc phòng, an ninh quốc gia, y tế và lương thực, thực phẩm.

2. Trong đơn yêu cầu cấp lixăng không tự nguyện phải chứng minh được người yêu cầu có đủ khả năng, điều kiện áp dụng giải pháp hữu ích đó và không được chủ bằng tự nguyện chuyển giao quyền sử dụng.

3. Người được cấp lixăng không tự nguyện không được phép chuyển giao quyền sử dụng giải pháp hữu ích cho cá nhân hoặc cơ quan, đơn vị khác và phải trả cho chủ bằng một khoản tiền bồi thường; trên cơ sở thỏa thuận giữa hai bên hoặc theo quyết định của Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước trong trường hợp các bên không đạt được sự thỏa thuận.

Điều 16. — Hành động không bị coi là xâm phạm độc quyền sử dụng.

Những hành động sau đây không bị coi là xâm phạm độc quyền sử dụng của chủ bằng:

a) Sử dụng hoặc bán sản phẩm liên quan đến giải pháp hữu ích do chủ bằng

hoặc người được chuyển giao quyền sử dụng giải pháp hữu ích hoặc người được cấp lixăng không tự nguyện sản xuất hoặc bán.

b) Tiếp tục sử dụng, với quy mô không lớn hơn, giải pháp đồng nhất với giải pháp hữu ích do cá nhân hoặc cơ quan, đơn vị khác nộp đơn, nếu trước ngày ưu tiên của đơn giải pháp đó đã được áp dụng hoặc chuẩn bị những điều kiện cần thiết để áp dụng.

c) Sử dụng giải pháp hữu ích chỉ nhằm mục đích nghiên cứu khoa học.

d) Sử dụng giải pháp hữu ích trên phương tiện vận tải của người nước ngoài đang quá cảnh hoặc tạm thời nằm trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chỉ nhằm duy trì hoạt động của phương tiện đó.

e) Sử dụng giải pháp hữu ích trong khuôn khổ cá nhân không nhằm mục đích kinh doanh.

g) Nhập khẩu hàng hóa hoặc kỹ thuật chứa đựng các đối tượng đang được bảo hộ nhưng đã bộc lộ công khai ngoài lãnh thổ Việt Nam trước ngày ưu tiên của đối tượng đang bảo hộ.

Điều 17. — Duy trì hiệu lực, mất hiệu lực bằng độc quyền giải pháp hữu ích.

1. Để duy trì hiệu lực của bằng độc quyền giải pháp hữu ích, chủ bằng phải nộp lệ phí hàng năm theo quy định.

2. Bằng độc quyền giải pháp hữu ích bị mất hiệu lực trước thời hạn nếu:

— Chủ bằng không nộp lệ phí duy trì hiệu lực hàng năm trong thời hạn cho phép theo văn bản quy định về lệ phí.

— Chủ bằng nộp đơn xin từ bỏ sự bảo hộ pháp lý.

B. BẢO VỆ CÁC QUYỀN ĐỐI VỚI GIẢI PHÁP HỮU ÍCH

Điều 18. — Xử lý hành động xâm phạm độc quyền sử dụng:

1. Bất kỳ ai có những hành động sau đây mà không được chủ bằng cho phép,

trừ những hành động nêu ở điều 16, đều bị coi là xâm phạm độc quyền sử dụng của chủ bằng:

a) Sản xuất, chào hàng, bán, sử dụng, nhập khẩu sản phẩm là đối tượng đang được bảo hộ hoặc tàng trữ các sản phẩm đó để bán hoặc sử dụng.

b) Áp dụng phương pháp đang được bảo hộ để chế tạo, sản xuất sản phẩm hoặc chào hàng về việc sử dụng phương pháp đó trên lãnh thổ Việt Nam.

c) Chào hàng, bán, sử dụng, nhập khẩu sản phẩm thu được trực tiếp từ phương pháp đang được bảo hộ hoặc tàng trữ các sản phẩm đó để bán hoặc sử dụng.

2. Mọi hành động xâm phạm độc quyền của chủ bằng đều bị xử lý. Người xâm phạm phải chấm dứt mọi hành động xâm phạm và bồi thường thiệt hại cho chủ bằng, chịu sự xử phạt khác theo pháp luật, tùy theo mức độ xâm phạm.

3. Chủ bằng có quyền đề nghị thủ trưởng các Bộ, cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng hoặc Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nơi quản lý người xâm phạm (sau đây gọi là cơ quan quản lý người xâm phạm) yêu cầu người xâm phạm phải chấm dứt hành động xâm phạm.

Trong thời hạn 3 tháng, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị nêu trên, cơ quan quản lý người xâm phạm có trách nhiệm yêu cầu người xâm phạm chấm dứt hành động xâm phạm và đưa ra những biện pháp có hiệu lực để ngăn chặn hành động xâm phạm đó.

4. Trường hợp tự xét thấy mức độ xâm phạm gây thiệt hại nghiêm trọng hoặc đề nghị của mình nêu ở điểm 3 không được giải quyết thỏa đáng chủ bằng có quyền khiếu nại lên Tòa án nhân dân có thẩm quyền.

5. Những người được chuyển giao quyền sử dụng hoặc người được cấp l'xăng không tự nguyện bị thiệt hại do các hành động xâm phạm nêu ở điểm 1 có quyền yêu cầu chủ bằng thực hiện các biện pháp nêu ở điểm 3 và 4.

Trong thời hạn 3 tháng, kể từ ngày nhận được yêu cầu nêu trên, nếu chủ bằng không thực hiện các biện pháp yêu cầu thì những người yêu cầu có quyền tự mình thực hiện những biện pháp đó.

Điều 19. — Giải quyết khiếu nại về tiền thù lao:

1. Tác giả giải pháp hữu ích công vụ có quyền khiếu nại về mức thù lao hoặc thời hạn trả tiền thù lao với thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ bằng.

Trong thời hạn 2 tháng, kể từ ngày nhận được khiếu nại, thủ trưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm giải quyết và thông báo kết quả giải quyết cho tác giả.

2. Nếu người khiếu nại không đồng ý với kết quả giải quyết của thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ bằng có quyền khiếu nại với Tòa án nhân dân có thẩm quyền.

Chương III

CÁC THỦ TỤC NỘP ĐƠN, XÉT NGHIỆM, CẤP BẰNG, CÔNG BỐ GIẢI PHÁP HỮU ÍCH VÀ KHIẾU NẠI PHÂN ĐỐI LIÊN QUAN

Điều 20. — Nộp đơn xin bảo hộ giải pháp hữu ích:

1. Đơn xin cấp bằng độc quyền giải pháp hữu ích: nộp tại Cục Sáng chế — Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước.

2. Các yêu cầu về hình thức và nội dung đơn xin cấp bằng độc quyền giải pháp hữu ích được quy định trong văn bản hướng dẫn thi hành Điều lệ này.

3. Nếu đơn xin cấp bằng độc quyền giải pháp hữu ích là đơn chuyển đổi từ đơn xin bảo hộ sáng chế trên cơ sở điều 5 thì đơn phải được nộp:

a) Đồng thời với đơn xin bảo hộ sáng chế đề yêu cầu chuyển đổi sau khi giải pháp xin cấp bằng sáng chế đã được xét nghiệm khoa học kỹ thuật và kết luận là không đạt các tiêu chuẩn của sáng chế.

b) Trong thời hạn 2 tháng kể từ ngày người nộp đơn xin bảo hộ sáng chế nhận được thông báo từ chối cấp bằng.

4. Người nộp đơn xin cấp bằng độc quyền giải pháp hữu ích phải nộp lệ phí nộp đơn theo đúng quy định.

Điều 21. — Xét nghiệm sơ bộ :

1. Trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày nhận được đơn xin cấp bằng độc quyền giải pháp hữu ích, Cục Sáng chế—Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước phải hoàn thành việc xét nghiệm sơ bộ đơn.

Việc chấp nhận đơn hợp lệ được ghi vào sổ đăng ký đơn xin cấp bằng độc quyền giải pháp hữu ích và được thông báo cho người nộp đơn.

Đơn không hợp lệ bị từ chối hoặc yêu cầu sửa đổi bổ sung.

2. Sau thời hạn 1 tháng, kể từ ngày nhận được thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung tài liệu đơn, nếu người nộp đơn không gửi tài liệu sửa đổi, bổ sung theo đơn yêu cầu thì đơn coi như không nộp.

Điều 22. — Xét nghiệm khoa học kỹ thuật và cấp bằng :

1. Trong thời hạn 9 tháng, kể từ ngày nộp đơn xin cấp bằng độc quyền giải pháp hữu ích, Cục Sáng chế — Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước phải hoàn thành việc xét nghiệm khoa học kỹ thuật nội dung của giải pháp nêu trong đơn và căn cứ vào kết quả xét nghiệm, Cục trưởng

Cục Sáng chế quyết định việc cấp bằng độc quyền giải pháp hữu ích cho người nộp đơn. Nếu giải pháp không đạt tiêu chuẩn cấp bằng, Cục Sáng chế phải thông báo cho người nộp đơn biết rõ lý do từ chối cấp bằng.

2. Đối với đơn xin chuyển đổi nộp theo điểm 3a, điều 20 thời hạn xét nghiệm khoa học kỹ thuật là 20 tháng, kể từ ngày nộp đơn xin cấp bằng sáng chế, theo điểm 3b, điều 20 là 2 tháng, kể từ ngày Cục Sáng chế chấp nhận đơn xin chuyển đổi.

3. Trong quá trình xét nghiệm khoa học kỹ thuật, Cục Sáng chế có quyền yêu cầu các cơ quan, đơn vị có chức năng nghiên cứu thiết kế, sản xuất, các chuyên gia trong lĩnh vực liên quan tham gia đánh giá giải pháp nêu trong đơn.

4. Giải pháp hữu ích được cấp bằng được ghi vào sổ đăng bạ giải pháp hữu ích quốc gia.

Điều 23. — Bổ sung tài liệu trong xét nghiệm khoa học kỹ thuật.

1. Cục Sáng chế có quyền yêu cầu người nộp đơn bổ sung tài liệu làm rõ bản chất của giải pháp nêu trong đơn.

2. Trong thời hạn 1 tháng, kể từ ngày người nộp đơn nhận được thông báo bổ sung tài liệu, người nộp đơn không bổ sung và không có lý do chính đáng về việc bổ sung chậm trễ, đơn coi như không nộp.

Khi chấp nhận lý do bổ sung tài liệu chậm trễ, Cục Sáng chế được phép kéo dài thời hạn xét nghiệm thêm bằng khoảng thời gian chậm trễ.

3. Nếu tài liệu bổ sung làm thay đổi bản chất của giải pháp nêu trong đơn, đơn bị từ chối cấp bằng.

Điều 24. — Công bố giải pháp hữu ích.

1. Giải pháp hữu ích được cấp bằng được công bố trong thông báo do Cục Sáng chế — Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước xuất bản.

2. Bản mô tả giải pháp hữu ích được đặt công khai ở thư viện sáng chế Trung ương thuộc Cục Sáng chế.

3. Để bảo vệ lợi ích quốc gia, trường hợp cần thiết, giải pháp hữu ích có thể được hoãn hoặc không được công bố.

Điều 25. — Khiếu nại của người nộp đơn liên quan đến việc cấp văn bằng bảo hộ.

1. Trong thời hạn hai tháng, kể từ ngày nhận được thông báo của Cục Sáng chế, người nộp đơn có quyền khiếu nại với Cục Sáng chế nếu không đồng ý với lý do từ chối đơn xin cấp bằng độc quyền giải pháp hữu ích, từ chối cấp bằng độc quyền giải pháp hữu ích, thu hẹp khối lượng yêu cầu bảo hộ giải pháp hữu ích.

2. Trường hợp không đồng ý với kết quả giải quyết của Cục Sáng chế đối với khiếu nại về việc từ chối cấp bằng độc quyền giải pháp hữu ích hoặc thu hẹp khối lượng yêu cầu bảo hộ, người nộp đơn có quyền tiếp tục khiếu nại với Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước.

3. Quyết định của Cục trưởng Cục Sáng chế là quyết định cuối cùng đối với khiếu nại về việc từ chối đơn xin cấp bằng độc quyền giải pháp hữu ích và quyết định của Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước là quyết định cuối cùng đối với khiếu nại theo điểm 2 trên.

4. Thời gian giải quyết khiếu nại ở mỗi cấp là 3 tháng kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại. Kết quả giải quyết được thông báo cho người khiếu nại.

Điều 26. — Phản đối việc cấp văn bằng bảo hộ :

1. Trong thời hạn hiệu lực của bằng độc quyền giải pháp hữu ích, mọi cá nhân, cơ quan, đơn vị đều có quyền nộp đơn cho Cục Sáng chế phản đối việc cấp bằng độc quyền giải pháp hữu ích nếu phát hiện :

a) Tác giả giải pháp hữu ích được xác nhận ở văn bằng không phải là người tạo ra giải pháp hữu ích hoặc người tạo ra giải pháp hữu ích không được xác nhận ở văn bằng.

b) Người được xác nhận là chủ bằng ở văn bằng không phải là người được quyền nộp đơn theo quy định ở điều 7.

c) Giải pháp hữu ích được cấp bằng không đạt các tiêu chuẩn bảo hộ giải pháp hữu ích.

2. Đơn phản đối phải nêu rõ lý do và người nộp đơn phải nộp lệ phí theo quy định.

3. Cục Sáng chế có trách nhiệm giải quyết những đơn phản đối nêu trên trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày nhận đơn.

4. Nếu không đồng ý với quyết định của Cục Sáng chế, các bên liên quan có thể :

a) Nộp đơn phản đối với Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước nếu lý do phản đối liên quan đến điểm 1c nêu trên. Trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày nhận đơn, Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước có trách nhiệm giải quyết và quyết định của Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước là quyết định cuối cùng về vấn đề này.

b) Nộp đơn phản đối với Tòa án Nhân dân có thẩm quyền, nếu lý do phản đối liên quan đến điểm 1a và 1b nêu trên.

5. Các quyết định hủy bỏ hiệu lực bằng độc quyền giải pháp hữu ích hoặc quyết định xác lập lại quyền tác giả được thông báo cho chủ bằng, tác giả và được công bố trong thông báo do Cục Sáng chế xuất bản.

Điều 27. — Người đại diện :

1. Mọi cá nhân, pháp nhân đều có thể thông qua người đại diện hợp pháp (được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép hoạt động và được Cục Sáng chế — Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước thừa nhận) để thực hiện thủ tục bảo hộ giải pháp hữu ích ở Việt Nam.

2. Mọi cá nhân, pháp nhân không thường trú hoặc không có cơ sở sản xuất kinh doanh hoặc đại diện ở Việt Nam đều phải

thông qua người đại diện hợp pháp để thực hiện thủ tục bảo hộ giải pháp hữu ích ở Việt Nam.

Điều 28. — Bảo hộ giải pháp hữu ích mật :

1. Giải pháp hữu ích có liên quan đến quốc phòng và an ninh quốc gia, giải pháp hữu ích cần giữ bí mật vì lợi ích kinh tế quốc gia được coi là giải pháp hữu ích mật.

2. Quy định về bảo hộ giải pháp hữu ích mật tuân theo quy định về bảo hộ sáng chế mật do Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước, Bộ Quốc phòng và Bộ Nội vụ ban hành.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. — Điều khoản chuyển tiếp :

1. Đối với những đơn xin bảo hộ sáng chế đã bị từ chối cấp bằng trên cơ sở Điều lệ về sáng kiến cải tiến kỹ thuật — hợp lý hóa sản xuất và sáng chế ban hành kèm theo Nghị định số 31-CP ngày 23-1-1981, người nộp đơn xin bảo hộ sáng chế có quyền, trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ban hành Điều lệ này, nộp đơn xin bảo hộ giải pháp hữu ích cho chính giải pháp đó.

Thời hạn hiệu lực của văn bằng bảo hộ các giải pháp hữu ích này được tính từ ngày nộp đơn xin bảo hộ giải pháp hữu ích.

2. Trước ngày nộp đơn của giải pháp hữu ích được cấp bằng trên cơ sở điểm 1 nêu trên, cá nhân hoặc pháp nhân nào đã sử dụng hoặc chuẩn bị những điều kiện cần thiết để sử dụng một giải pháp đồng nhất với giải pháp được cấp bằng được tiếp tục sử dụng giải pháp đó, nhưng không được mở rộng khối lượng và phạm vi sử dụng, không được chuyển giao quyền sử dụng cho người khác.

Điều 30. — Tổ chức thi hành :

1. Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước có trách nhiệm ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Điều lệ và quy định về lệ phí liên quan đến việc bảo hộ giải pháp hữu ích.

2. Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương có trách nhiệm phổ biến và thi hành Điều lệ này.

T. M. Hội đồng Bộ trưởng

K. T. Chủ tịch

Phó Chủ tịch

VÕ VĂN KIẾT

NGHỊ ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 201-HĐBT ngày 28-12-1988 ban hành Điều lệ về mua bán quyền sử dụng sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa và bí quyết kỹ thuật (gọi tắt là Điều lệ về mua bán lixăng).

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4-7-1981;

Căn cứ Nghị định số 35-CP ngày 9-2-1981 quy định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Bộ trưởng và chức năng của Bộ trong một số lĩnh vực quản lý Nhà nước ;

Đề tăng cường công tác tổ chức và quản lý hoạt động sở hữu công nghiệp ;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước,